

ĐÀO TẠO LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ TẠI MỘT SỐ CƠ SỞ ĐÀO TẠO LUẬT TRÊN THẾ GIỚI VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Mai Thanh Hiếu¹, Mai Thị Tâm Nguyên²
Email: maithanhhieuvietnam@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1016

Tóm tắt: Trong bối cảnh kỷ nguyên số, giáo dục nói chung và đào tạo luật nói riêng phải thích ứng với xu hướng số hóa. Bài viết tổng hợp các quan điểm quốc tế về đổi mới đào tạo luật: đặt sinh viên luật, thị trường lao động hay hiệu quả đào tạo luật làm trung tâm; phân tích hai mô hình đào tạo luật trong kỷ nguyên số là mô hình cổ điển và mô hình hiện đại. Kết quả nghiên cứu cho thấy đào tạo luật cần bảo tồn tinh thần cổ điển và giá trị nội tại của luật học, đồng thời từng bước ứng dụng các phương pháp hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ khóa: kỷ nguyên số, đào tạo luật, cơ sở đào tạo luật, mô hình đào tạo luật, triết lý đào tạo luật

I. Đặt vấn đề

Cách mạng số đang tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng lớn nhất. Đào tạo luật, với tư cách là lĩnh vực gắn chặt với sự vận hành và nhu cầu của thị trường dịch vụ pháp lý, cũng đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ để thích ứng với sự phát triển của công nghệ, trí tuệ nhân tạo và thị trường số hoá. Đối với Việt Nam, mục tiêu tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy hội nhập

quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi hiện đại hóa hệ thống giáo dục đại học, trong đó có đào tạo luật. Việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong đào tạo luật kỷ nguyên số trở thành nhiệm vụ quan trọng nhằm thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở lý thuyết của bài viết gồm: Thứ nhất, triết lý đào tạo luật kinh điển của Christopher Columbus Langdell coi luật học như một khoa học có tính hệ

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

² Sinh viên lớp Chất lượng cao 4729, Trường Đại học Luật Hà Nội

thống, với phương pháp nghiên cứu án và truy vấn kiểu Socrates. Những nền tảng này cho phép xác định tính nguyên bản và chuẩn mực tri thức cốt lõi của đào tạo luật trước làn sóng số hóa. *Thứ hai*, lý thuyết về công nghệ và tri thức, dựa trên luận điểm của Martin Heidegger về bản chất công nghệ như một hình thức “*định khung*” (framing) thế giới. Cách tiếp cận này giúp nhận diện những điểm mà công nghệ có thể hỗ trợ, cũng như những phương diện của luật học mà công nghệ không thể làm biến đổi bản chất. *Thứ ba*, các lý thuyết đổi mới giáo dục trong kỷ nguyên số, bao gồm quan điểm về học tập kết hợp (blended learning), lớp học đảo ngược (flipped classroom), mô phỏng (simulation) và chuyển đổi số trong giáo dục đại học, như cách nhiều cơ sở đào tạo luật trên thế giới tích hợp vào chương trình giảng dạy và tổ chức lớp học.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, phân tích và tổng hợp tài liệu về đào tạo luật trong kỷ nguyên số. Thông qua khảo cứu các công trình học thuật, báo cáo, chương trình đào tạo tại một số cơ sở đào tạo luật trên thế giới, bài viết phân loại các quan điểm, mô hình và triết lý đào tạo luật liên quan đến ứng dụng công nghệ. Phương pháp so sánh được sử dụng để làm sáng tỏ tương đồng và khác biệt trong đào tạo luật ở những quốc gia khác nhau, qua đó nhận diện xu hướng chung và bài học kinh nghiệm. Bài viết cũng phân tích các quan điểm đào tạo luật khi vận dụng lý thuyết của Martin Heidegger hay Langdell nhằm lý giải bản chất và giới hạn của công nghệ đối với luật học.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Một số quan điểm về đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Kỷ nguyên số là quá trình chuyển đổi số toàn cầu nhằm thay đổi tổng thể và toàn diện phương thức phát triển của xã hội, lối sống và hoạt động trên nền tảng số (Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên, 2021). Đây là giai đoạn công nghệ kỹ thuật số, dữ liệu và Internet trở thành trung tâm của mọi hoạt động xã hội, kinh tế và văn hóa. Một trong những lĩnh vực biến đổi sâu sắc nhất trước làn sóng này là giáo dục (Muchith, M. S, 2023, p. 10) nói chung và đào tạo luật nói riêng. Mô hình lớp học truyền thống, vốn dựa vào tương tác trực tiếp và các nguồn lực vật chất, đang dần chuyển hoá theo hướng tích hợp môi trường học tập ảo, nền tảng học trực tuyến và các công cụ giáo dục vận hành bằng trí tuệ nhân tạo (AI). Nhận thức về công nghệ chia thành hai thái cực: *thứ nhất*, công nghệ là “*cứu tinh*” (Sulistyaningsih, D. and Adhi, Y. P., 2023, p. 509), nguồn lực giải phóng và phát triển; *thứ hai*, công nghệ là nguồn lực cần được kiểm soát, định hướng. Ở góc độ triết học, xét về bản chất và hệ quả công nghệ với con người, trong sách *Câu hỏi về công nghệ và các tiểu luận khác*, Martin Heidegger lập luận rằng công nghệ hiện đại, thông qua quá trình “*enframing*” (định khung), biến thế giới thành một tập hợp các nguồn lực để con người khai thác, định hình cách chúng ta nhận thức và tồn tại (Ekperi, M. D. and Alawa, P. Z., 2024, p. 513). Điều này gợi mở cách nhận thức và vận dụng tri thức pháp luật trong kỷ nguyên số. Theo Bonilla Maldonado, D., 2023, trong kỷ nguyên số, triết lý đào tạo luật có thể phân loại thành ba nhóm chính:

Thứ nhất, sinh viên luật là đối tượng trung tâm. Quan điểm này cho rằng đối

mới công nghệ trong đào tạo luật là yêu cầu cấp thiết đáp ứng nhu cầu của thế hệ sinh viên luật mới, phần lớn thuộc thế hệ Y, Z. Tiếp cận này dựa trên hai tiền đề: (i) Các trường luật cần cung cấp dịch vụ đào tạo phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của người học; (ii) Sinh viên ngày nay sinh ra trong môi trường công nghệ, có tư duy thị giác, khả năng xử lý đa nhiệm và mong muốn học tập một cách chủ động. Từ đó, họ ủng hộ việc tích hợp công nghệ trong đào tạo luật, từ việc sử dụng thiết bị kỹ thuật số như máy tính, thiết bị bấm phản hồi, điện thoại, đến việc triển khai các khóa học kết hợp trực tiếp và trực tuyến, hay các nền tảng phản hồi và đánh giá tự động. Tại Đại học Monash (Úc), chương trình Phòng thực hành pháp luật là minh chứng về sự đáp ứng kỳ vọng của người học thuộc thế hệ Y, Z. Đây là một module/ khóa học thực hành do hệ thống phòng thực hành pháp luật Monash phối hợp với các đối tác như Lander & Rogers tổ chức. Thay vì chỉ học lý thuyết khô khan, sinh viên được giao vụ việc thực tế và làm việc với các doanh nghiệp, đối tác công nghệ để phát triển ứng dụng pháp lý, chatbot, hoặc giải pháp số hóa cho dịch vụ pháp lý (Weinberg, J. and Hyams, R., 2023, p. 35). Về bản chất, nhóm quan điểm này phản ánh xu hướng thị trường hóa đào tạo luật. Người học được xem như khách hàng, có quyền hưởng dịch vụ và yêu cầu trải nghiệm học tập tương thích với thói quen và năng lực công nghệ. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng tiềm ẩn nguy cơ giảm lược vai trò của đào tạo luật thành thỏa mãn kỳ vọng tức thời của người học. Công nghệ, theo nhóm quan điểm này, được giả định là tự thân tích cực - một biểu hiện đặc trưng của *định khung*. Trên thực tế, thái độ của nhiều giảng viên luật trong ứng dụng công nghệ vẫn tương đối bảo

thủ, cho rằng công nghệ đã được thúc đẩy trong thời gian dài mà không đi kèm với lợi ích thuyết phục, thường chỉ vì “*tính hiện đại*” hay “*hợp thời*”. Việc đầu tư vào công nghệ tạo ra áp lực phải thể hiện một phong cách giảng dạy phổ trương, không dựa trên cơ sở sự phạm vững chắc, không thực sự góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (Canick, S., 2014, p. 675). Nhược điểm lớn của quan điểm này nằm ở lập luận rằng người trẻ thế hệ Y, Z hiểu biết sâu về công nghệ. Nhiều nghiên cứu cho thấy việc sử dụng công nghệ của người trẻ chủ yếu tập trung vào mạng xã hội, tin nhắn, trò chơi và video; không có bằng chứng thực nghiệm nào cho thấy họ sử dụng thành thạo và hiệu quả công nghệ vào học luật.

Thứ hai, thị trường lao động ngành luật là đối tượng trung tâm. Quan điểm này cho rằng đổi mới công nghệ trong đào tạo luật là một yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của các công ty luật, tức đáp ứng nhu cầu thị trường. Công nghệ đã biến đổi dịch vụ pháp lý, từ thu thập chứng cứ điện tử, phân tích dữ liệu pháp lý lớn, nền tảng tạo và chia sẻ tài liệu, đến tự động hóa các công việc từng do luật sư trẻ và thực tập sinh thực hiện. Các công ty luật yêu cầu sinh viên tốt nghiệp phải quen thuộc với các công cụ này, thậm chí tham gia phát triển hoặc cải tiến chúng. Điều này đặt ra nhu cầu tăng cường khóa học về công nghệ pháp lý, lập trình hoặc các module thực hành, giảm vai trò của các môn lý thuyết pháp luật thuần túy hoặc các môn liên ngành, như triết học pháp luật, xã hội học pháp luật, lịch sử pháp luật, vì chúng ít liên quan trực tiếp đến thực tiễn hành nghề. Ở Hàn Quốc, các môn luật nền tảng đang suy giảm mạnh, vì các khoa luật tập trung hơn vào các môn có tính chất thực tiễn và hành nghề (Lee Soon-gyu,

Ahn Hyun, 2024). Nhóm quan điểm thứ nhất và thứ hai tương đồng về công thức: 1) xác định khách hàng là sinh viên hoặc công ty luật; 2) Chuyển đổi chương trình đào tạo để phục vụ nhu cầu khách hàng; 3) Công nghệ trở thành *khung* và luật học biến đổi, điều chỉnh theo sự phát triển của công nghệ. Quan điểm thực dụng này phản ánh mối quan hệ giữa đào tạo luật và nhu cầu thị trường pháp lý. Việc biến sinh viên thành lực lượng lao động thay vì các nhà tư tưởng pháp lý thể hiện sự chuyển dịch tất yếu của đào tạo luật truyền thống, từ đề cao tư duy phản biện và các giá trị nhân văn sang đề cao hiệu quả và năng lực công nghệ.

Thứ ba, hiệu quả đào tạo luật là đối tượng trung tâm. Quan điểm này cho rằng công nghệ là công cụ hỗ trợ để đạt được các mục tiêu đào tạo luật, gồm kiến thức pháp lý, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp. Những giá trị khai phóng của học luật được bảo vệ. Sinh viên luật cần nắm vững kiến thức pháp lý nền tảng, thành thạo các kỹ năng thực hành như soạn thảo văn bản, làm việc nhóm, sử dụng công nghệ và tuân theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Các khóa học trực tuyến hoặc kết hợp giúp sinh viên và giảng viên dành nhiều thời gian cho việc phát triển kỹ năng công nghệ. Khác biệt của quan điểm này so với hai nhóm trước là động lực trung tâm không đặt vào nhu cầu khách hàng, mà tập trung vào mục tiêu nội tại của đào tạo luật. Quan điểm thứ ba dựa trên nền tảng triết lý coi “*luật học có mục đích nội tại*”, tương đồng với quan niệm của Langdell, C. C. (1871), p. vi: “*Luật pháp, nếu được coi là một ngành khoa học, bao gồm những nguyên lý hoặc học thuyết nhất định*”. Với sự tôn trọng mục đích nội tại của luật học, thì công nghệ sẽ được ứng dụng như công cụ phục vụ giáo dục chứ không phải giáo

dục phục vụ công nghệ.

Việc áp dụng công nghệ trong đào tạo luật là tất yếu để tồn tại và cạnh tranh. Arthur Dyevre chỉ ra rằng đào tạo luật tại Hoa Kỳ đang khủng hoảng cấu trúc, bắt nguồn từ định kiến kéo dài nhiều thập kỷ rằng bằng luật luôn bảo đảm triển vọng về nghề nghiệp thu nhập cao. Khi thị trường pháp lý chịu tác động của số hoá, tự động hóa, công nghệ, khủng hoảng kinh tế, cạnh tranh toàn cầu, giả định này sụp đổ (Dyevre, A., 2016, p. 11). Khủng hoảng của ngành dịch vụ pháp lý đã trở thành khủng hoảng của mô hình đào tạo luật, phản ánh vấn đề toàn cầu rằng đào tạo luật không chỉ lạc hậu về công nghệ mà còn về cấu trúc kinh tế. Mô hình đào tạo chi phí cao, kỳ vọng nghề nghiệp truyền thống và tách biệt với thực tiễn không còn tương thích với một thị trường pháp lý đã bị số hóa, tự động hóa.

4.2. Một số mô hình đào tạo luật trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh đào tạo luật trên thế giới, mặc dù các hình thức ứng dụng công nghệ và AI rất phong phú, tổng hợp lại có thể nhận diện hai mô hình cơ bản. *Thứ nhất*, mô hình cổ điển, đặc trưng bởi việc thêm các học phần riêng biệt về công nghệ hay AI vào chương trình đào tạo hiện hành, thay vì thay đổi bản chất phương pháp đào tạo. Mô hình này tương tự tư duy truyền thống trong giáo dục, ưu tiên kiến thức luật nội tại hơn là trải nghiệm học tập linh hoạt hay tương tác số hóa. *Thứ hai*, mô hình hiện đại, đặc trưng bởi sự tích hợp công nghệ và AI trực tiếp vào quá trình giảng dạy và tổ chức lớp học, sử dụng các công cụ số để hỗ trợ phương pháp sư phạm, tăng cường tương tác, quản lý thông tin và thực hành kỹ năng. Tuy nhiên, hai xu hướng này không tách biệt

mà vận hành trong trạng thái giao thoa.

Về mô hình cổ điển, có thể thấy rõ ở những cơ sở đào tạo có uy tín và truyền thống lâu đời tại Hoa Kỳ như Trường Luật Harvard, Trường Luật Đại học Chicago và Trường Luật Yale. Tại đây, hai phương pháp cổ điển là nghiên cứu án và truy vấn kiểu Socrates (phương pháp Socratic) chiếm vai trò mô hình giảng dạy chủ đạo. Tại Trường Luật Harvard, sau giai đoạn thập niên 1960 đến 1970 khi những ý kiến phản biện về tính khắc nghiệt đối với hai phương pháp này lên đến đỉnh điểm (Chen, V., 1995), một hình thức giảng dạy mới đã xuất hiện tại Harvard, mang tính ôn hoà hơn (Dhar, U. and Dhar, S., (2018), p. 185) và kéo dài đến hiện tại. Về phương diện sư phạm, sự cải cách có thể được hình dung qua lời kêu gọi của Nhóm sinh viên Luật Harvard mang tên HALT: *“loại bỏ những hình thức đối đầu, nhờ đó làm cho lớp học bớt mang tính đối kháng hơn”* (Gersen, J. S., 2017, p. 231). Ngày nay, tại Harvard, công nghệ và AI được bổ sung thành học phần mới trong chương trình đào tạo. Năm 2025, Harvard mở khoá học tự chọn Khoa học máy tính và trí tuệ nhân tạo cho luật sư, giúp sinh viên luật hiểu các nhu cầu có tính công nghệ của khách hàng. Khía cạnh đáng học hỏi ở Trường Luật Harvard nằm ở sự trung thành với học thuật và tôn trọng bản chất đào tạo luật. Đổi mới không chỉ đến từ kỹ thuật, mà từ cách tái cấu trúc tư duy pháp lý trước hiện tượng mới. Không chỉ Đại học Harvard, số lượng các học phần công nghệ được đưa vào chương trình cử nhân luật đang tăng dần nhưng chắc chắn tại Anh và xứ Wales. Ví dụ các học phần tự chọn như công nghệ pháp lý và tiếp cận công lý của Đại học Manchester, công nghệ, đổi mới và tin học pháp lý của Đại học Ulster, lập trình dành cho luật sư của

Đại học Swansea và tương lai của hành nghề luật của Đại học UCL. Tại trường Luật IE ở Madrid, công nghệ mới là một học phần bắt buộc cho sinh viên năm nhất ngành luật (Ziercke, E. et al, 2020, p. 527). Một số trường đại học tổ chức bài giảng về công nghệ pháp lý như hoạt động ngoại khóa. Ví dụ, tại Đại học Passau (Đức), sinh viên có thể tham gia một chuỗi bài giảng với diễn giả đến từ các công ty công nghệ pháp lý; còn tại Trường Luật Nottingham (Anh), sinh viên có thể nghe các bài giảng từ Giám đốc Công nghệ của các hãng luật. Đại học châu Âu Viadrina Frankfurt (Oder) của Đức cũng tích cực tổ chức hội nghị thường niên và các cuộc thi sáng tạo công nghệ cùng một khóa hội thảo chuyên đề kéo dài ba ngày dành cho sinh viên và luật sư tập sự.

Về mô hình hiện đại, bên cạnh chương trình phòng thực hành pháp luật của Đại học Monash (Úc), nghiên cứu của Maharg, P. and Nicole, E., 2014, p. 6. chỉ ra rằng ứng dụng công nghệ mô phỏng rất phổ biến, trong đó Anh dẫn đầu về lĩnh vực này, với Đại học Strathclyde, Đại học Công lập Manchester, Trường Đại học Luật Glasgow, Đại học Warwick, Đại học Northumbria. Tại Úc, tiêu biểu có Đại học RMIT, Đại học Wollongong và Đại học Melbourne. Về bản chất, mô phỏng là môi trường học tập tái tạo các tình huống pháp lý với mức độ chân thực để người học thực hành kỹ năng nghề luật, ví dụ trong văn phòng luật ảo, sinh viên tư vấn cho khách hàng do AI đóng vai. Tổng quan học thuật cho thấy sự lan tỏa của các công cụ như phiên tòa giả lập thực tế ảo, nền tảng học tập hợp tác trực tuyến và các mô hình lớp học kết hợp/ đảo ngược. Chúng tác động trực tiếp lên phương pháp giảng dạy, đánh giá và tổ

chức giờ học chứ không chỉ mở rộng nội dung chương trình.

Từ góc nhìn triết học, ranh giới giữa hai mô hình không thể được hiểu như một cặp nhị nguyên tách bạch. Luật học vốn mang hai đặc tính song song: tính khái niệm và tính thực hành. Mô hình cổ điển nghiêng về tính khái niệm; mô hình hiện đại nhấn mạnh vào tính thực hành. Tuy nhiên giữa hai đặc tính này có mối quan hệ biện chứng. Công nghệ không thể thay thế bản chất của luật học, nhưng cũng không hoàn toàn ngoại biên; nó trở thành yếu tố mới trong cấu trúc của đào tạo luật.

4.3. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Lựa chọn giữa mô hình cổ điển và mô hình hiện đại không chỉ là lựa chọn phương pháp, mà là lựa chọn một triết lý đào tạo luật. Trong bối cảnh Việt Nam, với nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ còn hạn chế, việc đi theo mô hình hiện đại thuần túy là khó khả thi. Áp dụng vội vã công nghệ mới có nguy cơ xói mòn tri thức. Theo tác giả, con đường thực tế và bền vững cho Việt Nam là lựa chọn mô hình cổ điển với sự bổ sung có kiểm soát các học phần về công nghệ và AI. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đổi mới trong đào tạo luật không nhất thiết gắn với can thiệp kỹ thuật phức tạp.

Trong giai đoạn đầu, Việt Nam không nên chuẩn hóa ngay một môn học về công nghệ hay AI trong chương trình đào tạo luật. Điều kiện về nhân sự, cụ thể là yêu cầu giảng viên phải có kiến thức liên ngành về luật học và công nghệ, cùng với cơ sở vật chất và cấu trúc chương trình chưa cho phép điều này diễn ra một cách lâu dài và ổn định. Thay vào đó, một lộ trình linh hoạt gồm các học phần tự

chọn quy mô nhỏ, câu lạc bộ học thuật và phong trào nghiên cứu khoa học về công nghệ và pháp luật dành cho sinh viên sẽ phù hợp hơn.

Một kinh nghiệm quan trọng mà Việt Nam có thể học hỏi là tiếp tục khẳng định vai trò của các phương pháp giảng dạy kinh điển, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu án và Socratic trong bối cảnh chuyên đổi số. Hai phương pháp này đã ra đời và trở thành trụ cột trong bối cảnh đào tạo luật tại Mỹ đang loay hoay giữa tính nghề nghiệp và tính học thuật, nhu cầu về phương pháp giảng dạy mới vừa mang tính khoa học, vừa gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp trở nên cấp thiết. Trước giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đào tạo luật tại Hoa Kỳ vẫn chịu sự giằng co giữa hai quan niệm: *thứ nhất*, luật học như một nghề thực hành; *thứ hai*, luật học như một ngành khoa học. Những quan niệm này đã được Stein, R., 1980, p. 445 chỉ ra: “*Việc đào tạo cho người tập sự luật sư về cơ bản giống như việc huấn luyện một người học nghề rèn; nó thiên về thực hành hơn là lý thuyết*” và “*đào tạo luật chủ yếu là sự tiếp cận với các nguyên tắc và phương pháp phân tích*”. Bối cảnh hình thành đó có nhiều điểm tương đồng với hiện nay, khi kỹ nguyên số tạo ra những biến đổi nhanh chóng và phức tạp, khiến tri thức pháp lý truyền thống đứng trước yêu cầu phải tự đổi mới. Trong bối cảnh mới, nghiên cứu án và Socratic tiếp tục giữ vai trò nền tảng vì chúng rèn luyện tư duy pháp lý, kỹ năng phản biện theo hướng linh hoạt. Đó là những năng lực không thể thay thế bởi công nghệ hay trí tuệ nhân tạo. Tinh thần của hai phương pháp này vốn được thiết kế để đối diện với sự vận động không ngừng của đời sống. Công nghệ và AI có thể được tích hợp ở mức độ hỗ trợ,

chẳng hạn sử dụng các công cụ AI để gợi ý nguồn tư liệu, tóm tắt án, nhưng trọng tâm vẫn phải nằm ở năng lực phân tích, lý luận và tư duy độc lập của người học. Với điều kiện Việt Nam hiện nay, khi cơ sở vật chất và nguồn nhân lực chưa cho phép triển khai đại trà các mô hình hiện đại như mô phỏng hay phòng xử án ảo, thì việc củng cố phương pháp nghiên cứu án và Socratic dưới dạng lai ghép, kết hợp hỗ trợ của công nghệ ở mức phù hợp, là lựa chọn khả thi và bền vững.

V. Kết luận

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy công nghệ chỉ phát huy giá trị khi được tích hợp trên nền tảng những mục tiêu nội tại của luật học. Với điều kiện hiện nay, Việt Nam cần lựa chọn lộ trình kết hợp: bảo tồn tinh thần mô hình cổ điển, đồng thời từng bước ứng dụng các phương pháp hiện đại cho phép nâng cao chất lượng đào tạo mà không đánh mất bản sắc học thuật của luật học, đồng thời tạo nền tảng cho sự hội nhập bền vững trong kỷ nguyên số./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên. (2021). Hội nhập quốc tế trong “kỷ nguyên số” và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/823137/hoi-nhap-quoc-te-trong-%E2%80%9Cky-nguyen-so%E2%80%9D-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam.aspx>
- [2]. Muchith, M. S. (2023). Education in the Digital Age: Opportunities, Challenges, and Innovations. *International Journal of Education and Digital Learning*, 2 (1): 10-20. <https://doi.org/10.54443/ijedl.v2i1.262>
- [3]. <https://lsd.law/law-school-rankings>, truy cập ngày 15/11/2025
- [4]. <https://law.yale.edu/heather-gerken>, truy cập ngày 15/11/2025
- [5]. https://hls.harvard.edu/courses/cs50-and-ai-for-lawyers/?utm_, truy cập ngày 15/11/2025
- [6]. <https://legaltech.center/>, truy cập ngày 17/11/2025
- [7]. Sulistyaningsih, D., Adhi, Y. P. (2023). Digital Transformation in Legal Education: Development Directions and Challenges. *Temu Ilmiah Nasional Guru XV*, 15 (1): 508-514.
- [8]. Ekperi, M. D., Alawa, P. Z. (2024). Martin Heidegger on Technology: Implications for Artificial Intelligence. *South-South Journal of Humanities and international Studies*, 7 (1): 509-522. [10.5281/zenodo.13911577](https://doi.org/10.5281/zenodo.13911577)
- [9]. Maldonado, D. B. (2023). Legal Education and Technological Innovation: A Critical Essay. *Latin American Law Review* n.o 10: 1-36. <https://doi.org/10.29263/lar10.2023.01>
- [10]. Weinberg, J., Hyams, R. (2023). The Law Tech Clinic: Leading the way in Entrepreneurial Law Clinics. *International Journal of Clinical Legal Education*. 2023: Special Edition - Entrepreneurial Law Clinics in Clinical Legal Education. Pp. 34-72. <https://doi.org/10.19164/ijcle.2023.1349>
- [11]. Canick, S. (2014). Infusing Technology Skills into the Law School Curriculum. *Capital University Law Review*. Faculty Scholarship. Vol. 42: 663-708.
- [12]. Lee Soon-gyu, Ahn Hyun. (2024). Basic Legal Studies Are Withering Away Due to Education Focused Mainly on Bar Exam Success. *Legal News Journal*. https://cm.asiae.co.kr/en/article/2024060314132787952?utm_

- [13]. Langdell, C. C. (1871). *A Selection of Cases on the Law of Contracts*. Boston: Little, Brown and Company.
- [14]. Dyevre, A. (2016). *The Future of Legal Theory and the Law School of the Future*. Intersentia; Antwerpen.
- [15]. Chen, V. (1995). Class of 1970 Couldn't Escape National Campus Turmoil. <https://www.thecrimson.com/article/1995/6/6/class-of-1970-couldnt-escape-national/>
- [16]. Dhar, U., Dhar, U. (2018). The Case Method in Legal Education. *Asian Journal of Legal Education*. The West Bengal National University of Juridical Sciences SAGE Publications. 5(2):182-185. 10.1177/2322005818780754
- [17]. Gersen, J. S. (2017). The Socratic Method in the Age of Trauma. *Harvard Law Review*, 130 (9): 2320-2347.
- [18]. Ziercke, E., Hartung, D., Hohenstatt, K. S. (2020). What does the digital revolution mean for legal education?. *Liquid legal: Towards a common legal platform*. Pp. 513-535.
- [19]. Maharg, P., Nicol, E. (2014). Simulation and technology in legal education: a systematic review and future research programme. *Legal education: simulation in theory and practice*. Farnham: Ashgate. Pp: 1-21.
- [20]. Stein, R. M. (1981). The Path of Legal Education from Edward I to Langdell: A History of Insular Reaction. *Chicago-Kent Law Review*, Vol. 57: 429-454.

LEGAL EDUCATION IN THE DIGITAL ERA AT SELECTED LAW SCHOOLS AROUND THE WORLD AND LESSONS FOR VIETNAM

Mai Thanh Hieu¹, Mai Thi Tam Nguyen²

***Abstract:** In the context of the world's transition into the digital age, education in general and legal education in particular must adapt to the trend of digitalization. This article synthesizes international perspectives on the reform of legal education which variously place law students, the labor market or the effectiveness of legal education at the center. It analyzes two models of legal education in the digital era - the classical model and the modern model. The research findings show that legal education needs to preserve the classical spirit and the intrinsic values of legal scholarship, while gradually applying modern methods to enhance the quality of training.*

***Keywords:** digital era, legal education, legal education institutions, legal education models, philosophy of legal education*

¹ Hanoi Law University

² Students of the High-Quality Program 4729, Hanoi Law University